

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA LẠI_MÔN: TOÁN 7_NĂM HỌC: 2020 – 2021

- 1) Chủ đề: Thống kê.
- 2) Biểu thức đại số.
- 3) Chủ đề: Đơn thức.
- 4) Chủ đề: Đa thức.
- 5) Tam giác cân.
- 6) Định lý Py-ta-go.
- 7) Chủ đề: Quan hệ giữa các yếu tố trong tam giác

❖ Lưu ý:

- 1) Học sinh cần nhận biết được đơn thức, đơn thức đồng dạng, đa thức. Nội dung số 5,6,7 học sinh cần nắm được các định lý, tính chất và hệ quả.
- 2) Hình thức kiểm tra: Học sinh trả lời 40 câu trắc nghiệm trên google biểu mẫu, học sinh cần tạo một địa chỉ mail để đăng nhập trả lời câu hỏi.

❖ Một số bài tập ví dụ:

- 1) Điểm kiểm tra Toán HKI của học sinh lớp 7A được cho ở bảng sau:

Giá trị (x)	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	3	5	5	15	10	2	5	N = 45

Tần số của giá trị 6 là

- A. 5 B. 4 C. 3 D. 2

- 2) Điểm kiểm tra Toán HKI của học sinh lớp 7A được cho ở bảng sau:

Giá trị (x)	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	3	5	5	15	10	2	5	N = 45

Mốt của dấu hiệu là

- A. 10 B. 9 C. 8 D. 7

- 3) Điểm kiểm tra Toán HKI của học sinh lớp 7A được cho ở bảng sau:

Giá trị (x)	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	3	5	5	15	10	2	5	N = 45

Số trung bình cộng là

- A. 7,1 B. 7,2 C. 7,3 D. 7,4

- 4) Điểm kiểm tra Toán HKI của học sinh lớp 7A được cho ở bảng sau:

Giá trị (x)	4	5	6	7	8	9	10	
Tần số (n)	3	5	5	15	10	2	5	N = 45

Tỉ lệ phần trăm học sinh làm bài được 5 điểm là

- A. 10,1% B. 11,1% C. 12,1% D. 13,1%

- 5) Giá trị của biểu thức $x^2y + y$ tại $x = 2; y = -2$ là

- A. -6 B. -7 C. -8 D. -9

- 6) Đơn thức $-3x^4y^2$ có bậc là

- A. 4 B. 6 C. 10 D. 2

- 7) Tích của hai đơn thức $-3x^4y^2$ và $\frac{-2}{3}xy^2$ là

- A. $-2x^4y^4$ B. $2x^4y^4$ C. $-2x^5y^4$ D. $2x^5y^4$

- 8) Thu gọn biểu thức $2x^2y^3 - \frac{3}{2}x^2y^3 - \frac{2}{3}x^2y^3$ ta được

A. $\frac{-1}{6}x^2y^3$

B. $\frac{1}{6}x^2y^3$

C. $6x^2y^3$

D. $-6x^2y^3$

9) Phần biến của đơn thức $\frac{-1}{3}xy^2z$ là

A. xyz

B. x^2yz

C. xy^2z

D. xyz^2

10) Phần hệ số của đơn thức x^4y^2 là

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

11) Sắp xếp đa thức $P(x) = -x^3 - 2x^4 + 3x^5 + x + 2014$ theo lũy thừa giảm dần của biến là

A. $P(x) = 3x^5 - 2x^4 - x^3 - x - 2014$

B. $P(x) = 3x^5 - 2x^4 - x^3 - x + 2014$

C. $P(x) = 3x^5 - 2x^4 - x^3 + x + 2014$

D. $P(x) = 3x^5 - 2x^4 + x^3 + x + 2014$

12) Cho hai đa thức: $P(x) = -x^3 - 2x^4 + 3x^5 + x + 2014$ và $Q(x) = 2x^5 + 3x + x^2 - 2x^4 - 1$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $P(x) + Q(x) = 5x^5 - 4x^4 - x^3 - x^2 - 4x - 2013$

B. $P(x) + Q(x) = 5x^5 - 4x^4 - x^3 - x^2 + 4x + 2013$

C. $P(x) + Q(x) = 5x^5 - 4x^4 - x^3 + x^2 + 4x + 2013$

D. $P(x) + Q(x) = 5x^5 + 4x^4 + x^3 + x^2 + 4x + 2013$

13) Cho hai đa thức: $P(x) = -x^3 - 2x^4 + 3x^5 + x + 2014$ và $Q(x) = 2x^5 + 3x + x^2 - 2x^4 - 1$. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $P(x) - Q(x) = x^5 - x^3 - x^2 - 2x + 2015$

B. $P(x) - Q(x) = x^5 - x^3 - x^2 + 2x + 2015$

C. $P(x) - Q(x) = x^5 - x^3 + x^2 + 2x + 2015$

D. $P(x) - Q(x) = x^5 + x^3 + x^2 + 2x + 2015$

14) Nghiệm của đa thức $f(x) = x + 8$ là

A. $x = -7$

B. $x = -8$

C. $x = -9$

D. $x = -10$

15) Cho tam giác ABC vuông tại A có $AC = 5\text{cm}$, $BC = 13\text{cm}$. Độ dài cạnh AB là

A. 10 (cm)

B. 11 (cm)

C. 12 (cm)

D. 13 (cm)